

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: **31/2026/HS-ST**
Ngày: 30-7-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Điều – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Lê Thanh Khánh – Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tâm Hoa – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Phạm Ngọc Thị Hàn Ni – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đắk Lắk (Điểm cầu trung tâm) và trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Đắk Lắk (Điểm cầu thành phần), mở phiên tòa xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thái S, sinh ngày 25/10/1980, tại tỉnh Quảng Ngãi; tên gọi khác: không; nơi đăng ký thường trú: Khu dân cư S, thôn L, xã M, tỉnh Quảng Ngãi; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, bị cáo có 02 em; vợ Dương Thị B, sinh năm 1981; có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2017 bị TAND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (trước đây) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2026, có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Thị P, sinh ngày 10/3/1982, tại tỉnh Hà Tĩnh; tên gọi khác: không; nơi đăng ký thường trú: thôn S, xã S, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 09/12; con ông Đào Sỹ H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, bị cáo có 03 em; chồng Nguyễn Kim H1, sinh năm 1981, có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; Trú tại: Khu phố B, phường Đ, Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Phạm Đăng C, sinh năm 1987; Trú tại: Số H H, Ấp C, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Dương Thị B, sinh năm 1981, Trú tại: Số B, hẻm G, Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

3. Nguyễn Thái S1, sinh năm 2009; Trú tại: Số B, hẻm G, Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

4. Nguyễn Thu S2, sinh năm 2003; Trú tại: Số B, hẻm G, Ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

5. Đặng Thị Kim T2, sinh năm 2003; Trú tại: thôn L, xã T, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1989; Trú tại: thôn S, xã S, Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Đỗ Thành T3, sinh năm: 1981; Trú tại: thôn X, xã V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

8. Dương Thành C1, sinh năm 1983; Trú tại: thôn X, xã V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

9. Trần Thiện Q, sinh ngày 1979; Trú tại: Số E, Huỳnh Văn C2, Tổ E, khu phố D, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

10. Lê Quốc D, sinh năm 1992; Trú tại: thôn M, xã P, Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Bùi Trung H3, sinh năm 1997; Trú tại: ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

2. Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1992; Trú tại: thôn X, xã V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

3. Đoàn D1, sinh năm 1960; Trú tại: thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 ngày 25/01/2026, Nguyễn Thái S điều khiển xe mô tô biển số 76G1 - 209.70 chở Đào Thị P đi trên đường Q qua đoạn thuộc thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk thì phát hiện có 01 máy biến áp hiệu THIBIDI của ông Huỳnh Tấn L1 được lắp đặt trên 02 trụ điện ở giữa đồng ruộng. Qua hỏi thăm, S và P đến nhà

ông L1 để hỏi mua máy biến áp trên nhưng ông L1 không bán nên S và P ra về nhà P tại xã S, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, S nảy sinh ý định trộm cắp máy biến áp của ông L1 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ cho P. S nói với P là nếu ông L1 không bán thì tháo trộm máy biến áp thuê xe cầu vào thành phố Hồ Chí Minh để bán thì P ngăn cản nhưng S không từ bỏ ý định. Đến khoảng 09 giờ 00 ngày 26/01/2026, S quay lại nơi đặt máy biến áp của ông L1, trèo lên trụ điện, dùng cờ lê 24 tháo rời các ốc vít cố định máy biến áp rồi điều khiển xe mô tô đi vào xã V, tỉnh Khánh Hòa, thấy có xe cầu của ông Đỗ Thành T3 đang đỗ bên đường nên S liên hệ và thỏa thuận thuê xe cầu với giá 3.000.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 00 cùng ngày, S cùng tài xế xe của ông T3 là Dương Thành C1 đến cầu máy biến áp của ông L1 về xã V, sau đó thuê ông Lê Quốc D, Trần Thiện Q chở máy biến áp vào thành phố Hồ Chí Minh. Trên đường đi Sinh có gọi điện nói cho P biết là đã lấy trộm máy biến áp của ông L1 đang trên đường đi vào thành phố Hồ Chí Minh để bán. Sau khi đến Thành phố Hồ Chí Minh thì S đưa máy đến nhà trọ của S và cùng với Nguyễn Thái S1 - sinh năm: 2009 (là con trai ruột của S) tiến hành tháo rời máy biến áp ra rồi bán 300 lít dầu cách điện bị hỏng cho một người đàn ông lạ với giá 3.000.000 đồng, bán sắt và dây đồng cho ông Phạm Đăng C được số tiền 44.200.000 đồng. Trước khi bán các đồ vật tháo ra từ máy biến áp thì S đều nói cho P biết và sau khi bán xong Sinh nhắn tin qua messenger cho P biết nhưng P không nói gì và không trả lời tin nhắn của S. Sau khi bán máy được số tiền trên thì S chuyển khoản trả nợ cho bà P 40.000.000 đồng vào sáng ngày 29/01/2026 vì trước đây S có mượn của P để làm ăn, trả tiền thuê xe cho Q 2.000.000 đồng vào tối ngày 30/01/2026, đưa vợ S là bà Dương Thị B số tiền 5.000.000 đồng, còn lại S đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 01/02/2026, ông L1 phát hiện mất máy biến áp nên đến Công an xã trình báo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 09/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự trên địa bàn xã H, tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 01 máy biến áp, nhãn hiệu THIBIDI, loại 250kw, màu xám vào ngày 26/01/2026 có giá 70.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSKV12 ngày 29/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk, truy tố bị cáo Nguyễn Thái S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Đào Thị P về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo Nguyễn Thái S, Đào Thị P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị B trình bày: không biết việc bị cáo S trộm cắp tài sản máy biến áp; nhận tiền 5.000.000 đồng do ông S đưa nhưng không biết đây là tiền do bị cáo S bán máy biến áp mà có,

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thu S2 trình bày: số tiền 30.000.000 đồng là của chị S2 tự nguyện cho cha (bị cáo S) bồi thường cho vợ chồng ông L1.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thái S1 trình bày: khi cha của S1 (bị cáo S) nhờ phụ tháo máy biến áp thì làm phụ giúp, không biết việc bị cáo S trộm cắp tài sản máy biến áp.

* Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên truy tố theo Cáo trạng số: 14/CT-VKSKV12 ngày 29/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đào Thị P phạm tội “Không tố giác tội phạm”. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị tuyên phạt các bị cáo mức án:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Thái Sinh T4 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/2/2026; không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Áp dụng khoản 1 Điều 390, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Đào Thị P từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 6 tháng đến 2 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 76G1-209.70 nhãn hiệu: HONDA, số loại Airblade F1, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, dung tích xi-lanh 124cm³, màu đen đỏ, số máy JF44B5160677, số khung 4611EY486658, có nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3x, màu tím, số IMEI 1: 863929077622351, số IMEI 2: 863929077622344, bên trong có thẻ sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu hồng, số IMEI 1: 352987101031757, số IMEI 2: 3529887101031755, bên trong có thẻ sim điện thoại, đã qua sử dụng.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 đồ vật cấu tạo bằng kim loại (có hình giống câu kìm) dài 19cm, nơi rộng nhất 06cm, phần đầu cấu tạo bằng kim loại tối màu, dài 07cm, nơi rộng nhất 2,5cm, phần thân có màu đỏ, dài 12cm, trên phần thân có dòng chữ “GOODMAN”; 01 đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 25,5cm, một bên bề mặt có dòng chữ “21 YTBR USA Standard 21”, bề mặt còn lại có dòng chữ “21 CHROME-UANADIUM 21”; 01 đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 27,5cm, một bên bề mặt có dòng chữ “23 YTBR USA Standard 23”, bề mặt còn lại có dòng chữ “23 CHROME-UANADIUM 23”; 01 đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cà lê) dài 18cm, một bên bề mặt có dòng chữ “FORGED STEEL China”, bề mặt còn lại có dòng chữ “14 BRAND 14”, tại bề mặt này có gắn 01 trụ tròn bằng kim loại sáng màu, đường kính cao nhất 2,5cm, cao 04cm.

+ Hoàn trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C61, màu vàng, số IMEI 1: 866905073286778, số IMEI 2: 866905073286760, đã qua sử dụng cho bị cáo Đào Thị P.

+ Hoàn trả 01 Căn cước công dân cho bị cáo Nguyễn Thái S.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

* Các bị cáo không tranh luận gì, thống nhất với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

* Các bị cáo nói lời cùng: Các bị cáo Nguyễn Thái S, Đào Thị P ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra, của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đã có lời khai có tại hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm mà bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, phù hợp với dữ liệu trích xuất từ điện thoại, dữ liệu trích xuất từ camera và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 09 giờ 00 ngày 26/01/2026, tại thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Thái S đã làm mọi cách để che giấu, lén lút tiếp cận và thực hiện hành vi trộm cắp máy biến áp của vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1 trị giá 70.000.000 đồng, sau đó tháo rời bán phế liệu. Bị cáo Đào Thị P biết rõ bị cáo Nguyễn Thái S đã có hành vi trộm cắp máy biến áp của vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1, sau đó tháo rời bán phế liệu, nhưng không tố giác hành vi phạm tội của bị cáo S đến cơ quan chức năng để xử lý.

Do đó, Cáo trạng số 14/CT-VKSKV12 ngày 29/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk, truy tố bị cáo Nguyễn Thái S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Đào Thị P về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo:

[4.1] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Thái S là nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sự sơ hở, không biết của chủ sở hữu đã xâm phạm tới quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo S là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lòng tham, động cơ tư lợi, muốn có tiền nhanh chóng để trả nợ và thoả mãn tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp các quy định pháp luật, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là thể hiện tính xem thường pháp luật, gây hoang mang, mất trật tự tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cách ly bị cáo S ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cho bị cáo phần đầu cải tạo trở thành người tốt, biết chấp hành pháp luật hơn; đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Hành vi không tố giác tội phạm của bị cáo Đào Thị P là hành vi phạm tội độc lập, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và người phạm tội, gây mất trật tự trị an trên địa phương, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo S và P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên các bị cáo cùng được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng riêng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo S đã bồi thường toàn bộ, khắc phục hậu quả theo yêu cầu cho người bị hại, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và có ông bà ngoại là người có công với cách mạng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Về nhân thân:

[5.3.1] Bị cáo P không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[5.3.2] Bị cáo S có nhân thân xấu, đã từng có hành vi tương tự trộm cắp máy biến áp, bị TAND huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (trước đây) xử phạt 01 năm 06 tháng vào năm 2017 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không lo tu chí làm ăn mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp là coi thường kỷ cương pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây trên cơ sở xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo, sự chủ động, tích cực và thái độ của các bị cáo trong việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, đảm bảo đủ tính răn đe, giáo dục riêng cho từng bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung cho xã hội.

[6.1] Đề nghị mức hình phạt và hình phạt áp dụng cho bị cáo S của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6.2] Bị cáo P phạm tội với lỗi cố ý nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội lần đầu, có nhân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự của Kiểm sát viên cho bị cáo P được hưởng án treo là có căn cứ, phù hợp, Hội đồng xét xử sẽ ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính là hình phạt tù thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng hoàn cảnh kinh tế bị cáo S khó khăn, nghề nghiệp và mức thu nhập không ổn định, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại (vợ chồng ông Huỳnh Tấn L1, bà Nguyễn Thị T1) đã nhận lại vỏ máy biến áp, nhãn hiệu THIBIDI-250kw bị trộm cắp, được khắc phục hậu quả, được bồi thường toàn bộ thiệt hại số tiền 70.000.000 đồng theo yêu cầu, không yêu cầu giải quyết gì thêm; và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Đăng C không yêu cầu giải quyết vấn đề gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.1] Đối với: 01 xe mô tô biển số 76G1-209.70 nhãn hiệu: HONDA, số loại Airblade F1, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, dung tích xi-lanh 124cm³, màu đen đỏ, số máy JF44B5160677, số khung 4611EY486658, có nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3x, màu tím, số IMEI 1: 863929077622351, số IMEI 2: 863929077622344, bên trong có thẻ sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu hồng, số IMEI 1: 352987101031757, số IMEI 2: 3529887101031755, bên trong có thẻ sim điện thoại, đã qua sử dụng. Tất cả là vật mang dấu vết liên quan trực tiếp đến tội phạm, là các công cụ, phương tiện bị cáo S dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9.2] Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C61, màu vàng, số IMEI 1: 866905073286778, số IMEI 2: 866905073286760, đã qua sử dụng, là vật liên quan bị thu giữ làm căn cứ buộc tội đối với bị cáo S. Sau khi bị cáo S nhận tin báo hành vi trộm cắp thì bị cáo P tắt nguồn, nên không được xem là công cụ, phương tiện bị cáo P dùng vào việc phạm tội, cần hoàn trả lại cho bị cáo P như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, có căn cứ.

[9.3] Đối với: 01 đồ vật cấu tạo bằng kim loại (có hình giống câu kim) dài 19cm, nơi rộng nhất 06cm, phần đầu cấu tạo bằng kim loại tối màu, dài 07cm, nơi rộng nhất 2,5cm, phần thân có màu đỏ, dài 12cm, trên phần thân có dòng chữ “GOODMAN”; 01 một đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 25,5cm, một bên bề mặt có dòng chữ “21 YTBR USA Standard 21”, bề mặt còn lại có dòng chữ “21 CHROME-UANADIUM 21”; 01 một đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 27,5cm, một bên bề mặt có dòng chữ “23 YTBR USA Standard 23”, bề mặt còn lại có dòng chữ “23 CHROME-UANADIUM 23”; 01 một đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 18cm, một bên bề mặt có dòng chữ “FORGED STEEL China”, bề mặt còn lại có dòng chữ “14 BRAND 14”, tại bề mặt này có gắn 01 trụ tròn bằng kim loại sáng màu, đường kính cao nhất 2,5cm, cao 04cm. Tất cả là các công cụ, phương tiện bị cáo S dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với Phạm Đăng C đã mua đồ tháo ra từ máy biến áp nhưng C không biết đây là tài sản do Nguyễn Thái S phạm tội mà có, giữa S và C không có bàn bạc, hứa hẹn gì, do đó không xử lý trách nhiệm hình sự đối với C là phù hợp, có căn cứ.

[12] Đối với số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo S chuyển khoản trả nợ cho bị cáo P, bị cáo P có hỏi bị cáo S về nguồn gốc số tiền này thì bị S nói là tiền cá nhân, bị cáo S không nói cho bị cáo P biết nguồn gốc số tiền 40.000.000 đồng do bán máy biến áp mà có, nên hành vi bị cáo P không có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo S, không bị xử lý là phù hợp, có căn cứ.

[13] Đối với Dương Thị B (vợ bị cáo S), Nguyễn Thu S2, Nguyễn Thái S1 (con bị cáo S): không biết việc bị cáo S trộm cắp tài sản máy biến áp để tháo rời bán; S2 chuyển tiền bồi thường cho ông L1, S1 phụ tháo máy biến áp để bán là do bị cáo S nhờ; bà B nhận tiền do ông S đưa nhưng không biết đây là tiền do bị cáo S phạm tội mà có; nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà B, chị S2, anh S1 là phù hợp, có căn cứ.

[14] Đối với Đỗ Thành T3, Dương Thành C1, Lê Quốc D, Trần Thiện Q là những người được bị cáo S thuê để cẩu, vận chuyển máy biến áp, tuy nhiên những người này không biết máy biến áp là do Sinh trộm cắp mà có, không có bàn bạc, hứa hẹn gì, do đó không xem xét xử lý đối với T3, C1, D, Q là phù hợp, có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thái S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố: bị cáo Đào Thị P phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Phạt: bị cáo **Nguyễn Thái S** 03 (*ba*) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 09/02/2026).

Phạt bổ sung: không.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Phạt: bị cáo **Đào Thị P** 09 (*chín*) tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đào Thị P ban nhân dân xã S, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (*một*) xe mô tô biển số 76G1-209.70 nhãn hiệu: HONDA, số loại Airblade F1, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, dung tích xi-lanh 124cm³, màu đen đỏ, số máy JF44B5160677, số khung 4611EY486658, có nhiều vết trầy xước, đã qua sử dụng; 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3x, màu tím, số IMEI 1: 863929077622351, số IMEI 2: 863929077622344, bên trong có thẻ sim điện thoại, đã qua sử dụng; 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu hồng, số IMEI 1: 352987101031757, số IMEI 2: 352988101031755, bên trong có thẻ sim điện thoại, đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) đồ vật cấu tạo bằng kim loại (có hình giống câu kìm) dài 19cm, nơi rộng nhất 06cm, phần đầu cấu tạo bằng kim loại tối màu, dài 07cm, nơi rộng nhất 2,5cm, phần thân có màu đỏ, dài 12cm, trên phần thân có dòng chữ “GOODMAN”; 01 (*một*) đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 25,5cm, một bên bề mặt có dòng chữ “21 YTBR USA Standard 21”, bề mặt còn lại có dòng chữ “21 CHROME-UANADIUM 21”; 01

(một) đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cờ lê) dài 27,5cm, một bên bề mặt có dòng chữ “23 YTBR USA Standard 23”, bề mặt còn lại có dòng chữ “23 CHROME-UANADIUM 23”; 01 (một) đồ vật cấu tạo bằng kim loại sáng màu (có hình dáng giống cà lê) dài 18cm, một bên bề mặt có dòng chữ “FORGED STEEL China”, bề mặt còn lại có dòng chữ “14 BRAND 14”, tại bề mặt này có gắn 01 trụ tròn bằng kim loại sáng màu, đường kính cao nhất 2,5cm, cao 04cm.

3.3. Hoàn trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C61, màu vàng, số IMEI 1: 866905073286778, số IMEI 2: 866905073286760, đã qua sử dụng cho bị cáo Đào Thị Phương.

Vật chứng vụ án, tài liệu, đồ vật có tình trạng, đặc điểm như mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKSKV12 ngày 29/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk (kèm theo Bảng kê) và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ Phông Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đắk Lắk.

3.4. Hoàn trả 01 Căn cước công dân cho bị cáo Nguyễn Thái Sg lưu cùng hồ sơ vụ án).

4. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thái Sào Thị P cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thái Sào Thị Puyên kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12 - Đắk Lắk;
- CQĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Duyên